

**QUY ĐỊNH**

**Về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

**khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

*(Ban hành theo Quyết định số: 14/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2020  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.
2. Những nội dung không quy định tại Quy định này được thực hiện theo các quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai; Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng (Tổ chức dịch vụ công về đất đai, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư).
2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 5 của Luật Đất đai khi Nhà nước thu hồi đất.
3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 3. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng**

Việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có hồ sơ, chứng từ chứng minh quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Nghị định số 47/2014/NĐ-CP) và khoản 3 Điều 3 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất (Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT) thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá hiện trạng để xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP phù hợp với thực tế, việc tính chi phí vào đất còn lại quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND tỉnh) cho ý kiến trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp huyện (UBND cấp huyện) phê duyệt.

#### **Điều 4. Bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở**

1. Việc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở thực hiện theo Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP. Đồng thời, phải đảm bảo nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013 trong các trường hợp sau:

a) Xử lý một số trường hợp khi Nhà nước thu hồi đất ở:

- Trường hợp trong cùng thửa đất có nhà ở, diện tích nhà ở và công trình phục vụ đời sống, các công trình xây dựng thực tế lớn hơn diện tích đất ở ghi trên giấy chứng nhận thì căn cứ theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) làm căn cứ xác định diện tích đất ở;

- Trường hợp phần diện tích đất ở vượt hạn mức thì tính bồi thường theo quy định hiện hành.

b) Đối với trường hợp bồi thường bằng đất: Căn cứ vào quỹ đất và tình hình thực tế tại địa phương, UBND cấp huyện xây dựng phương án bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Quy định này.

2. Khuyến khích hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hộ liền kề để hợp thửa hoặc đề nghị Nhà nước thu hồi diện tích đất ở còn lại sau thu hồi.

#### **Điều 5. Bồi thường về đất đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đối với người có công với cách mạng quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định 47/2014/NĐ-CP**

Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở, được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng, khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường bằng đất bằng hình thức cho thuê đất tại vị trí khác có cùng mục đích sử dụng với đất thu hồi; trường hợp địa phương không bố trí được đất thì được xem xét bồi thường bằng tiền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

#### **Điều 6. Bồi thường về đất đối với những người đang đồng quyền sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định 47/2014/NĐ-CP**

1. Việc phân chia tiền bồi thường, hỗ trợ về đất cho từng tổ chức, từng hộ gia đình, cá nhân theo sự thỏa thuận của những người đồng quyền sử dụng đất dưới sự chủ trì của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã) nơi có đất thu hồi để thống nhất phân chia nguồn kinh phí bồi thường cho người đồng quyền sử dụng.

2. Trường hợp những người đồng quyền sử dụng đất không thống nhất thì tiền bồi thường, hỗ trợ được gửi vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc nhà nước và hướng dẫn những người đồng quyền sử dụng đất gửi đơn đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian chờ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết, những người đồng quyền sử dụng đất có trách nhiệm bàn giao đất cho Nhà nước thực hiện dự án. Căn cứ vào quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, UBND cấp huyện phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ (nếu có) tiến hành chi trả cho những người đang đồng quyền sử dụng.

**Điều 7. Bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất thuộc hành lang an toàn bảo vệ công trình quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP**

Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất theo khoản 2 Điều 10 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau:

1. Đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất, không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng theo quy định tại Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện (Nghị định số 14/2014/NĐ-CP):

a) Diện tích đất ở và các loại đất khác trong cùng thửa đất ở, đất phi nông nghiệp có đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn được bồi thường bằng 80% giá đất bồi thường cùng loại do UBND tỉnh quy định;

b) Đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất (đất có rừng trồng) đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75, khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai thì diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn được bồi thường bằng 30% mức bồi thường đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất;

c) Diện tích đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất, do hạn chế khả năng sử dụng thì được hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

2. Bồi thường thiệt hại khi xây dựng các công trình có hành lang bảo vệ khác: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập phương án bồi thường, hỗ trợ, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo phân cấp của UBND tỉnh và trình UBND cấp huyện phê duyệt.

Việc bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều này chỉ được thực hiện một (01) lần.

**Điều 8. Bồi thường thiệt hại nhà, công trình xây dựng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP**

1. Đối với nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Đất đai thì được bồi thường theo quy định sau:

$$\text{Mức bồi thường nhà, công trình} = \text{Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại} + \text{Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm (\%) theo giá trị hiện có của nhà, công trình}$$

a) Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại được xác định bằng (=) tỷ lệ phần trăm (%) chất lượng còn lại của nhà, công trình đó nhân (x) với giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ quản lý chuyên ngành ban hành. Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại được xác định theo công thức quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP;

b) Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình như sau:

- Được tính bằng 20% giá trị hiện có của nhà, công trình, nhưng mức bồi thường không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại;

- Đối với nhà, công trình đã hết thời gian khấu hao theo quy định nhưng tại thời điểm thông báo thu hồi đất vẫn đang sử dụng và trường hợp nhà, công trình chưa hết thời gian khấu hao, nhưng giá trị bồi thường nhà, công trình thấp hơn 20% giá trị xây mới của nhà, công trình bị thiệt hại tại thời điểm thông báo thu hồi đất thì khoản tiền tính tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình được tính bằng 20% giá trị xây mới nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ quản lý chuyên ngành quy định, nhưng mức bồi thường không quá 20% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại; đối với các cấp nhà, công trình đã hết thời gian khấu hao và không còn sử dụng thì không được bồi thường.

2. Trường hợp nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, bị phá dỡ một phần khi Nhà nước thu hồi đất, nhưng vẫn tồn tại và sử dụng được phần còn lại thì quy định như sau:

a) Nếu khoảng cách từ mép tường (cột) chịu lực ngoài cùng đến đường ranh giới thu hồi đất nhỏ hơn hoặc bằng 1/2 (một nửa) chiều sâu của phòng hoặc bước gian đầu tiên (tính theo hướng mở rộng phần đất thu hồi) thì bồi thường bằng 100% diện tích của phòng hoặc bước gian nhân với đơn giá bồi thường theo quy định;

b) Nếu khoảng cách từ mép tường (cột) chịu lực ngoài cùng đến đường ranh giới thu hồi đất lớn hơn 1/2 (một nửa) nhỏ hơn 3/4 chiều sâu của phòng

hoặc bước gian đầu tiên thì được bồi thường như điểm a nêu trên và được hỗ trợ bồi thường kinh phí dự toán sửa chữa bằng 10% giá trị bồi thường đó;

c) Nếu khoảng cách từ mép tường (cột) chịu lực ngoài cùng đến đường ranh giới thu hồi đất hoặc bằng hoặc lớn hơn  $\frac{3}{4}$  (ba phần tư) chiều sâu của phòng hoặc bước gian đầu tiên thì được bồi thường như điểm a nêu trên và được hỗ trợ bồi thường kinh phí dự toán sửa chữa bằng 20% giá trị bồi thường đó;

d) Nếu khoảng cách từ mép tường (cột) chịu lực ngoài cùng đến đường ranh giới thu hồi đất bằng hoặc lớn hơn chiều sâu của phòng hoặc bước gian đầu tiên thì được bồi thường như điểm a nêu trên và được hỗ trợ bồi thường kinh phí dự toán sửa chữa bằng 50% giá trị bồi thường đó.

3. Đối với nhà, công trình xây dựng phục vụ cho sinh hoạt của nhà ở được xây dựng thành các phân tách biệt về kết cấu chịu lực và các công trình xây dựng có dạng nhà nhưng không phải là nhà để ở (nhà xưởng, nhà hàng kinh doanh, nhà kho, nhà để thờ) thì từng phân tách biệt được xử lý như một ngôi nhà quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đang sử dụng thì mức bồi thường tính bằng giá trị xây dựng mới của công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật cùng cấp theo tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ quản lý chuyên ngành ban hành; nếu công trình không còn sử dụng thì không được bồi thường.

#### 5. Xử lý các trường hợp cụ thể:

a) Đối với nhà ở của các hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất không bị phá dỡ nhưng quá trình thực hiện dự án làm ảnh hưởng đến điều kiện sinh hoạt thiết yếu như (mất lối đi lại, lối thoát nước, nguồn điện, cấp nước, kê chắn đất) thì được bồi thường chi phí khắc phục. Trường hợp không thể khắc phục thì được bồi thường, hỗ trợ như đối với trường hợp bị phá dỡ toàn bộ nhà, công trình;

b) Đối với nhà, công trình xây dựng có trong Bảng giá nhà và các công trình xây dựng gắn liền với đất để tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (sau đây gọi là Bảng giá nhà và các công trình xây dựng) thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ đơn giá bồi thường lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo phân cấp của UBND tỉnh và trình UBND cấp huyện phê duyệt;

c) Đối với nhà, công trình xây dựng không có trong Bảng giá nhà và các công trình xây dựng thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự toán hoặc thuê tư vấn lập dự toán để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo phân cấp của UBND tỉnh và trình UBND cấp huyện phê duyệt.

**Điều 9. Bồi thường nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP**

Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nhà đang thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ, thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và diện tích coi như trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp được cơ quan quản lý nhà cho phép và phù hợp với quy hoạch. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự toán hoặc thuê đơn vị tư vấn lập dự toán để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo phân cấp của UBND tỉnh và trình UBND cấp huyện phê duyệt.

**Điều 10. Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi quy định tại Điều 90 Luật Đất đai**

Việc bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi thực hiện theo quyết định của UBND tỉnh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng, vật nuôi và thủy sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 11. Bồi thường, hỗ trợ về di chuyển mồ mả quy định tại Điều 18 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP**

1. Đối với việc di chuyển mồ mả không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, thì người có mồ mả phải di chuyển được bố trí đất (trường hợp đối với nơi có nghĩa trang chung) và được bồi thường chi phí đào, bốc, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp thì được bồi thường theo đơn giá do UBND tỉnh quy định.

2. Người có mồ mả phải di chuyển được hỗ trợ chi phí di chuyển mồ mả như sau:

a) Trường hợp người có mồ mả tự di chuyển:

- Di chuyển trong tỉnh: 3.000.000 đồng/mộ;

- Di chuyển ngoài tỉnh: 4.000.000 đồng/mộ;

Trường hợp mộ chưa phân hủy hết và được Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cấp huyện xác nhận thì ngoài mức hỗ trợ trên còn được hỗ trợ thêm 2.000.000 đồng/mộ.

b) Trường hợp mồ mả không có người nhận (mộ vắng chủ) thì giao UBND cấp xã nơi có đất thu hồi chủ trì, phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc di chuyển. Mức hỗ trợ di chuyển là: 4.000.000 đồng/mộ.

3. Trường hợp đối với nơi không bố trí về đất, hộ gia đình, cá nhân tự lo đất, địa điểm di chuyển mồ mả thì ngoài khoản bồi thường, hỗ trợ quy định tại khoản 1, 2 Điều này còn được hỗ trợ 5.000.000 đồng/mộ.

4. Vật kiến trúc khác liên quan đến phân mộ, căn cứ vào hiện trạng thực tế, chủ đầu tư phối hợp Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự toán bồi thường trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo phân cấp của UBND tỉnh và UBND cấp huyện phê duyệt theo đơn giá xây dựng do UBND tỉnh quy định.

**Điều 12. Bồi thường, hỗ trợ chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 91 Luật Đất đai 2013**

Việc bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất được thực hiện như sau:

1. Đối với tổ chức:

Hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất có thể tháo dỡ và di chuyển được, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân lập dự toán tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt lại bao gồm cả phần thiệt hại (nếu có) để trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo phân cấp của UBND tỉnh và trình UBND cấp huyện phê duyệt.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất phải phá dỡ nhà, công trình di chuyển chỗ ở thì được bồi thường chi phí di chuyển như sau:

a) Diện tích sàn xây dựng (tính cho công trình nhà chính và bếp) dưới 100m<sup>2</sup> là: 5.000.000, đồng/hộ;

b) Diện tích sàn xây dựng (tính cho công trình nhà chính và bếp) từ 100m<sup>2</sup> trở lên là: 7.000.000, đồng/hộ.

3. Đối với nhà, công trình có thể tháo dỡ, di chuyển đến vị trí khác để lắp đặt được bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt, tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập dự toán tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định theo phân cấp của UBND tỉnh và trình UBND cấp huyện phê duyệt.

4. Đối với nhà, công trình ngoài chỉ giới thu hồi nếu phải tháo dỡ, xây dựng lại do bố trí lại các công trình trên đất để đảm bảo điều kiện sinh hoạt thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng kiểm tra cụ thể mức độ ảnh hưởng để đề xuất UBND cấp huyện xem xét bồi thường hoặc hỗ trợ di dời công trình do quy hoạch lại.

5. Nhà, công trình phải phá dỡ nằm trên đất trung dụng có thời hạn để thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội (sau khi thi công xong sẽ hoàn trả đất cho sử dụng để xây dựng lại công trình) được bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Quy định này.

**Điều 13. Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn quy định tại Điều 24 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP**

Mức hỗ trợ bằng 01 lần giá loại đất thu hồi trong Bảng giá các loại đất do UBND tỉnh quy định tại thời điểm thu hồi đất.

**Điều 14. Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP**

1. Đối tượng, điều kiện được hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (Nghị định số 01/2017/NĐ-CP).

2. Việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất được thực hiện cụ thể như sau:

a) Diện tích đất nông nghiệp để tính hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai (Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT);

b) Mức hỗ trợ ổn định đời sống cho một (01) nhân khẩu được tính bằng tiền tương đương với 30 kg gạo/nhân khẩu/tháng. Giá gạo để tính hỗ trợ theo giá gạo tẻ thường theo báo cáo giá cả thị trường hàng tháng của Sở Tài chính tại thời điểm lập phương án bồi thường, thời gian hỗ trợ quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT, khoản 1 Điều 11 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT khi Nhà nước thu hồi dưới 30% diện tích đất sản xuất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi tại thời điểm có quyết định thu hồi đất mà diện tích thu hồi từ 100m<sup>2</sup> trở lên đối với đất sản xuất nông nghiệp và 1.000m<sup>2</sup> trở lên đối với đất rừng sản xuất thì được hỗ trợ như sau:

- Thu hồi từ 20 % đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ bằng tiền tương đương 30kg gạo tẻ thường/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 03 tháng;

- Thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ bằng tiền tương đương 30kg gạo tẻ thường/nhân khẩu/tháng, thời gian hỗ trợ là 1,5 tháng;

- Trường hợp thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì không được hỗ trợ.

c) Trường hợp Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân nhiều lần, cùng đơn vị hành chính cấp xã trong thời gian không quá 03 năm mà tổng diện tích thu hồi vượt quá 10% diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân thì xem xét hỗ trợ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này cho các diện tích chưa được tính hỗ trợ.

3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận khoán đất (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại điểm d, đ, e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP) khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ một (01) lần bằng tiền để ổn định đời sống, sản xuất. Mức hỗ trợ theo loại đất nhận khoán bằng 50% giá đất do UBND tỉnh quy định.

4. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP) thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động.

Đối tượng được hỗ trợ là người lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng lao động xác định thời hạn từ một đến ba năm.

Mức trợ cấp ngừng việc trong một tháng được tính bằng mức tiền lương bình quân 06 tháng liền kề trước khi người lao động ngừng việc của ngành nghề tương ứng mà người lao động đang hưởng theo quy định, nhưng mức hỗ trợ không được thấp hơn mức tiền lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định. Thời gian hỗ trợ là 06 tháng.

5. Trường hợp hộ gia đình vừa có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình đó thì nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo mức quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ.

Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, căn cứ quy định của UBND tỉnh lập phương án hỗ trợ trình UBND cấp huyện phê duyệt.

7. Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm g

khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017/NĐ-CP) thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền với mức hỗ trợ cao nhất bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Thu nhập sau thuế được xác định căn cứ vào báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế chấp thuận; trường hợp chưa được kiểm toán hoặc chưa được cơ quan thuế chấp thuận thì việc xác định thu nhập sau thuế được căn cứ vào thu nhập sau thuế do đơn vị kê khai tại báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối mỗi năm đã gửi cơ quan thuế.

8. Việc chi trả các khoản hỗ trợ cho các đối tượng quy định tại Điều này được thực hiện 01 lần. Đơn giá xác định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

**Điều 15. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP**

1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận khoán đất (không bao gồm đất rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) quy định tại các điểm d, điểm đ, và điểm e khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau đây:

a) Hỗ trợ bằng tiền cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi cùng loại trong Bảng giá đất do UBND tỉnh quy định, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại Điều 129 của Luật Đất đai, mức hỗ trợ cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản: Mức hỗ trợ bằng 2,5 lần giá các loại đất tương ứng (đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản) trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định;

- Đất rừng sản xuất: Mức hỗ trợ bằng 1,5 lần giá đất rừng sản xuất trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

b) Đối với thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện đề cấp theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được hỗ trợ theo loại đất thực tế đang sử dụng; đối với đất trồng cây lâu năm chỉ áp dụng đất đã trồng các loại cây có thời gian sinh trưởng như cây trồng hàng năm cho thu hoạch nhiều năm như: Thanh long, chuối, dứa, nho, cây chè, cây ăn quả có sản phẩm ăn tươi (không trồng xen lẫn nhiều loại cây lâm nghiệp, cây trồng khác thì được hỗ trợ theo diện tích thực tế); đối với đất trồng các loại

cây tre, trâu, giang, mai, vầu, nứa và các loại cây lấy gỗ thì được hỗ trợ như đất rừng sản xuất;

c) Đối với đất canh tác không thường xuyên trong thời gian 36 tháng và chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ bằng 50% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ mà phải di chuyển chỗ ở (đối với trường hợp có đăng ký kinh doanh) thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

Nhân khẩu đang trong độ tuổi lao động, có tên trong sổ hộ khẩu tại thời điểm thu hồi đất nếu không tham gia các chương trình đào tạo chuyển đổi nghề thì được nhận hỗ trợ bằng tiền, mức hỗ trợ 5.000.000 đồng/lao động.

3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người trong độ tuổi lao động tại địa phương theo khoản 3 Điều 20, Điều 21 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất, UBND cấp huyện hoặc Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, lấy ý kiến của người lao động có đất thu hồi và gửi xin ý kiến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trước khi phê duyệt phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm;

b) Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm được lập và phê duyệt đồng thời với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

4. Hộ gia đình, cá nhân có nhân khẩu là cán bộ, công chức, viên chức, công nhân viên (đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) quy định tại khoản 1 Điều này, vừa có nhân khẩu không phải là cán bộ, công chức, viên chức nhưng đang sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, như sau:

a) Số nhân khẩu không được hưởng chính sách hỗ trợ là các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước và thu nhập từ các doanh nghiệp nhà nước (có Hợp đồng dài hạn);

b) Số nhân khẩu còn lại được hưởng chính sách hỗ trợ (bao gồm cả những người đã quá tuổi lao động và chưa đến tuổi lao động).

Diện tích hỗ trợ bằng tổng diện tích thu hồi chia bình quân cho số nhân khẩu trong hộ gia đình, nhân với mức hỗ trợ tương ứng tại điểm a khoản 1 Điều này, nhân số nhân khẩu quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

**Điều 16. Hỗ trợ người đang thuê nhà ở không thuộc sở hữu nhà nước quy định tại Điều 23 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP**

Việc hỗ trợ chỉ được thực hiện khi có đủ điều kiện sau: Có hợp đồng thuê

nhà ở trước thời điểm thông báo thu hồi đất, tại thời điểm thu hồi đất còn thời hạn thuê nhà và được UBND cấp xã xác nhận thì được xem xét hỗ trợ di chuyển tài sản, mức hỗ trợ là 4.000.000 đồng/hộ.

**Điều 17. Hỗ trợ khác (theo Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP)**

1. Hộ gia đình, cá nhân có đất ở thu hồi, phải tháo dỡ nhà di chuyển chỗ ở, không còn chỗ ở khác thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở tạm là 400.000 đồng/nhân khẩu/tháng; hộ độc thân là 700.000 đồng/tháng. Riêng địa bàn thành phố, mức hỗ trợ thuê nhà ở tạm là 500.000 đồng/nhân khẩu/tháng; hộ độc thân là 1.000.000 đồng/tháng, thời gian được tính như sau:

a) Trường hợp chờ bố trí vào tái định cư, thời gian hỗ trợ tiền tự lo nhà ở tạm được tính từ khi di chuyển (bàn giao đất) đến khi được giao đất tái định cư tại thực địa (theo thông báo của cơ quan có thẩm quyền) và được cộng thêm 06 tháng xây dựng nhà;

b) Trường hợp tự lo đất ở thì thời gian hỗ trợ tiền tự lo nhà ở tạm là 12 tháng (được tính kể từ khi bàn giao đất thu hồi để thực hiện dự án).

2. Hỗ trợ thuê hoặc tự lo địa điểm sản xuất, kinh doanh, làm việc đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (có đăng ký kinh doanh và đang hoạt động), thời gian hỗ trợ là 03 tháng, mức hỗ trợ cụ thể:

- Diện tích đất có công trình xây dựng trên đất (có mái che), mức hỗ trợ là: 20.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng;

- Các diện tích đất còn lại, mức hỗ trợ là 10.000 đồng/m<sup>2</sup>/tháng.

3. Hộ gia đình khi Nhà nước thu hồi đất phải di chuyển chỗ ở thuộc diện gia đình chính sách, gia đình đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội của Nhà nước (có xác nhận của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội), ngoài các khoản hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 2 Điều 12 của Quy định này thì hộ gia đình còn được hỗ trợ như sau:

a) Người hoạt động Cách mạng trước năm 1945, người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến trước ngày khởi nghĩa tháng 8/1945, Anh hùng lực lượng vũ trang, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến, thương binh, bệnh binh và người được hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh bị mất sức lao động từ 61% trở lên được hỗ trợ 5.000.000 đồng/hộ gia đình;

b) Thân nhân liệt sĩ (bố, mẹ, vợ hoặc chồng, con và người có công trực tiếp nuôi dưỡng liệt sĩ), thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị mất sức lao động từ 21% đến dưới 61%, người hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù đày, người có công giúp đỡ cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng được hỗ trợ 4.000.000 đồng/hộ gia đình;

c) Hộ gia đình có người đang được hưởng chế độ trợ cấp xã hội (bảo trợ xã hội) của Nhà nước, hộ nghèo (có xác nhận của chính quyền địa phương) được hỗ trợ là 3.000.000 đồng/hộ gia đình.

Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều người thuộc diện được hỗ trợ một trong các mức hỗ trợ trên thì hộ gia đình đó chỉ được tính hỗ trợ 01 lần theo mức cao nhất.

#### 4. Thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng:

a) Người bị thu hồi đất phi nông nghiệp, phải phá dỡ toàn bộ nhà, công trình xây dựng trên đất hoặc bị phá dỡ một phần, người bị thu hồi đất nông nghiệp, nếu tự giác chấp hành bàn giao mặt bằng theo kế hoạch được thông báo của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng và đúng thời gian quy định thì được thưởng bằng tiền (mức thưởng chi tiết tại phụ lục kèm theo Quyết định này);

b) Điều kiện thanh toán tiền thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng: Chỉ được thanh toán sau khi có xác nhận của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng là hộ gia đình đã bàn giao mặt bằng đúng tiến độ.

5. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp có nguồn thu nhập chính từ sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại Điều 75 của Luật Đất đai thì được hỗ trợ 50% giá đất nông nghiệp theo mục đích sử dụng đất tại thời điểm thu hồi; diện tích hỗ trợ là diện tích thực tế đang sử dụng (không áp dụng đối với trường hợp đã được hỗ trợ tại khoản 3 Điều 14 và điểm c khoản 1 Điều 15 của Quy định này).

#### 6. Hỗ trợ nhà, công trình xây dựng trên đất không đúng mục đích sử dụng đất:

a) Nhà, công trình xây dựng trên đất không đúng mục đích sử dụng đất (tự ý xây dựng nhà, công trình trên đất nhưng chưa chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật), nhưng tại thời điểm xây dựng chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền công bố hoặc xây dựng phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không vi phạm hành lang bảo vệ công trình theo quy định của pháp luật và không bị xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng thì được hỗ trợ như sau:

- Thời điểm xây dựng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, mức hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường thiệt hại theo quy định;

- Thời điểm xây dựng từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, mức hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường thiệt hại theo quy định;

- Thời điểm xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014, mức hỗ trợ bằng 50% mức bồi thường thiệt hại theo quy định;

- Thời điểm xây dựng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến trước thời điểm thông báo thu hồi đất, mức hỗ trợ bằng 20% mức bồi thường thiệt hại theo quy định.

b) Nhà, công trình xây dựng trên đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, khi xây dựng vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố và cấm mốc hoặc vi phạm hành lang bảo vệ công trình theo quy định của pháp luật, nhưng chưa có cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thì được hỗ trợ bằng 15% mức bồi thường thiệt hại theo quy định;

c) Trường hợp nhà, công trình xây dựng trên đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hoặc đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo không được phép xây dựng thì không được hỗ trợ.

7. Trường hợp thu hồi hết đất ở mà hộ gia đình, cá nhân còn diện tích đất nông nghiệp trong cùng khu đất thu hồi, nếu có nhu cầu tái định cư tại chỗ (phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt) thì được miễn tiền chuyển mục đích sử dụng đất cho phần diện tích đất nông nghiệp xin chuyển mục đích sang đất để làm nhà ở nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND tỉnh.

8. Đối với đất nông nghiệp (trừ đất rừng sản xuất) trong địa giới hành chính phường, xã thuộc thành phố Cao Bằng, thị trấn của các huyện tại các khu vực đã được quy hoạch xây dựng chi tiết; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở tại các xã, phường, thị trấn, ngoài việc bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ (không phân biệt hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp hay không trực tiếp sản xuất nông nghiệp; không áp dụng đối với phần diện tích đã được tính hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo quy định), cụ thể như sau:

a) Mức hỗ trợ bằng 25% giá đất ở cùng vị trí đất ở tại nơi có đất thu hồi theo Bảng giá các loại đất do UBND tỉnh quy định;

b) Điều kiện hỗ trợ: Các thửa đất tiếp giáp mặt đường đã được quy định trong Bảng giá các loại đất, chiều sâu tính từ mép đường hoặc chỉ giới đường đỏ vào trong phạm vi 30m.

9. Đối với đất rừng sản xuất trong địa giới hành chính phường đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (không thuộc đối tượng nhà nước giao đất) thì được hỗ trợ bằng 10% giá đất ở của khu vực có đất thu hồi theo Bảng giá các loại đất do UBND tỉnh quy định (áp dụng cho các thửa đất tiếp giáp mặt đường đã được quy định trong Bảng giá các loại đất, chiều sâu tính từ mép đường hoặc chỉ giới đường đỏ vào trong phạm vi 30m).

10. Các trường hợp cần hỗ trợ khác (nếu có), UBND cấp huyện căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương đề xuất chính sách hỗ trợ gửi các cơ quan liên quan để báo cáo UBND tỉnh cho ý kiến trước khi phê duyệt.

### **Điều 18. Bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở**

Thực hiện theo quy định tại Điều 86 Luật Đất đai năm 2013, Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

1. Nguyên tắc bố trí tái định cư:

Việc bố trí tái định cư được ưu tiên xem xét cho các trường hợp có đất ở thu hồi quy định tại khoản 1 Điều 4 của Quy định này.

a) Trường hợp các hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở đã được bồi thường bằng đất ở thì không được xem xét bố trí giao đất tái định cư;

b) Chỉ xem xét bố trí tái định cư cho các trường hợp bị thu hồi đất ở mà phải di chuyển chỗ ở.

2. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở đủ điều kiện bố trí tái định cư theo quy định mà tự lo chỗ ở thì được hỗ trợ một khoản tiền, mức hỗ trợ bằng diện tích suất tái định cư tối thiểu nhân (x) 50% giá đất ở được bồi thường của hộ gia đình.

Trường hợp đủ điều kiện xét thêm lô như trường hợp bố trí tái định cư tại khu tái định cư tập trung, mức hỗ trợ lô tiếp theo bằng diện tích suất tái định cư tối thiểu nhân (x) 30% giá đất ở được bồi thường của hộ gia đình.

3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ở nhưng không đủ điều kiện để cấp tái định cư, UBND cấp huyện căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương đề xuất chính sách hỗ trợ khác gửi các cơ quan liên quan để báo cáo UBND tỉnh cho ý kiến trước khi phê duyệt.

**Điều 19. Suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 27 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP**

Suất tái định cư tối thiểu quy định trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Suất tái định cư tối thiểu:

a) Đối với các phường của thành phố Cao Bằng có diện tích là 60 m<sup>2</sup>;

b) Các xã của thành phố Cao Bằng và thị trấn của các huyện là 100 m<sup>2</sup>;

c) Các xã còn lại của các huyện là 120 m<sup>2</sup>.

2. Giá trị suất tái định cư tối thiểu bằng (=) diện tích suất tái định cư tối thiểu nhân (x) với giá đất cụ thể tại nơi bố trí tái định cư.

**Điều 20. Mức đất ở tái định cư đối với trường hợp hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP**

Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi đủ điều kiện để tách từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi thì UBND cấp huyện căn cứ vào quỹ đất ở và tình hình thực tế tại địa phương để quyết định giao thêm đất ở (ngoài diện tích lô tái định cư đã được nhận) theo quy định sau:

1. Hộ gia đình có 03 cặp vợ chồng hoặc 03 thế hệ cùng chung sống trên 01 thửa đất ở thu hồi thì xem xét giao thêm 01 lô đất ở tái định cư; điều kiện để giao thêm 01 lô đất ở tái định cư phải đảm bảo tổng diện tích đất ở thu hồi sau khi đã trừ đi phần diện tích của suất tái định cư được bố trí tại nơi tái định cư (lô

thứ nhất) thì phần diện tích còn lại tối thiểu phải  $\geq 80\%$  diện tích của suất tái định cư tối thiểu quy định tại Điều 19 của Quy định này.

2. Hộ gia đình có 04 cặp vợ chồng trở lên hoặc 04 thế hệ cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi thì xem xét giao thêm 02 lô đất ở tái định cư, điều kiện để giao thêm 02 lô đất ở tái định cư phải đảm bảo tổng diện tích đất ở thu hồi sau khi đã trừ đi phần diện tích của lô thứ 01 (lô tiêu chuẩn) và lô giao thêm (lô thứ 02), thì phần diện tích còn lại tối thiểu phải  $\geq 80\%$  diện tích của suất tái định cư tối thiểu quy định tại Điều 19 của Quy định này.

Hộ gia đình, cá nhân được giao đất ở tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 5 Điều 22 của Quy định này.

**Điều 21. Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với các trường hợp thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người quy định tại Điều 16 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP**

1. Đối với trường hợp đất ở của hộ gia đình, cá nhân trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ bị sạt lở, sụt lún bất ngờ toàn bộ diện tích thửa đất hoặc một phần diện tích thửa đất mà phần còn lại không còn khả năng tiếp tục sử dụng thì hộ gia đình, cá nhân được bố trí đất ở tái định cư theo quy định sau đây:

a) Diện tích hỗ trợ giao đất ở tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân ở các xã, phường, thị trấn không nhỏ hơn diện tích tối thiểu được phép tách thửa và không được vượt quá hạn mức giao đất ở do UBND tỉnh quy định;

b) Việc nộp tiền sử dụng đất, miễn giảm tiền sử dụng đất và các ưu đãi khác thực hiện theo quy định của Nghị định về thu tiền sử dụng đất.

2. Tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất thu hồi để bố trí tái định cư quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

**Điều 22. Giao đất, thu tiền sử dụng đất tại khu tái định cư**

1. Trường hợp bồi thường bằng việc giao đất ở được quy định như sau:

UBND cấp huyện hoặc Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng phương án trên cơ sở xác định quỹ đất ở để bồi thường; số lô, diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân được bồi thường tính như trường hợp được bố trí tái định cư, hỗ trợ tái định cư quy định tại Điều 18, Điều 20, Điều 21 của Quy định này, xác định hệ số quy đổi theo hệ số (K) giữa giá đất tại vị trí bồi thường và giá đất tại vị trí thu hồi của hộ gia đình, cá nhân theo Bảng giá của UBND tỉnh. Trường hợp diện tích đất được bồi thường thấp hơn diện tích thu hồi (đã quy đổi) thì người có đất bị thu hồi được bồi thường bằng tiền diện tích còn lại theo giá cụ thể của UBND tỉnh tại vị trí đất thu hồi; trường hợp diện tích đất được bồi thường cao hơn diện tích thu hồi (đã quy đổi) thì người có đất bị thu hồi phải nộp tiền sử dụng đất phần chênh lệch theo giá đất cụ thể do UBND tỉnh quyết định tại vị trí đất được bồi thường.

2. Trường hợp bồi thường bằng việc giao đất nông nghiệp, UBND cấp huyện căn cứ khả năng quỹ đất đã có để xây dựng phương án cụ thể, báo cáo UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến trước khi phê duyệt.

3. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nhà ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà có nguồn gốc do lấn, chiếm quy định tại khoản 5 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, khi Nhà nước thu hồi đất nếu không có chỗ ở nào khác thì được Nhà nước giao đất ở mới có thu tiền sử dụng đất. Hộ gia đình, cá nhân phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất cụ thể do UBND tỉnh quyết định.

4. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở, thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được Nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất. Hộ gia đình, cá nhân phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất cụ thể do UBND tỉnh quyết định.

5. Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất tái định cư:

Giá đất tính thu tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư khi Nhà nước giao đất theo giá đất cụ thể do UBND tỉnh quyết định. Giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất được phê duyệt cùng thời điểm giá đất cụ thể tính bồi thường.

Trường hợp số tiền được bồi thường về đất nhỏ hơn giá trị của 01 suất tái định cư tối thiểu quy định tại Điều 19 của Quy định này thì được hỗ trợ khoản chênh lệch giữa giá trị suất tái định cư tối thiểu và số tiền được bồi thường về đất.

### **Điều 23. Trình tự thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất**

Thực hiện theo hướng dẫn của UBND tỉnh về thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

### **Điều 24. Thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư**

1. Trách nhiệm của Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng:

a) Xây dựng triển khai kế hoạch, phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư;

b) Chủ trì phối hợp với UBND cấp xã triển khai kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lập, hoàn thiện và trình thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, hợp lý của số liệu điều tra, kiểm đếm, đơn giá áp dụng trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư;

c) Phối hợp với UBND cấp xã niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định; hướng dẫn, giải đáp thắc mắc của người sử dụng đất về những vấn đề liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

d) Thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ

chức bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư dự án hoặc quản lý quỹ đất đã giải phóng mặt bằng khi chưa có dự án;

đ) Căn cứ vào tình hình thực tế, chủ trì phối hợp với chủ đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất đề xuất những vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trình cấp có thẩm quyền quyết định.

e) Thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, các giấy tờ liên quan khác; bàn giao cho UBND cấp xã đề nghị cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định. Lưu trữ, quản lý hồ sơ, tài liệu, phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án do đơn vị thực hiện trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

g) Tổng hợp, gửi báo cáo theo định kỳ công tác giải phóng mặt bằng hàng tháng, quý, 06 tháng và hàng năm trên địa bàn cho UBND cấp huyện và Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp tỉnh.

2. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trực tiếp lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chi tiết (trong trường hợp chưa thành lập Tổ chức dịch vụ công về đất đai hoặc thuê tổ chức có chức năng thực hiện dịch vụ về bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật).

3. UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn để tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong trường hợp cần thiết.

4. UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh (trừ trường hợp ủy quyền theo quy định của pháp luật) để tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong trường hợp cần thiết.

## **Điều 25. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành của tỉnh**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Kiểm tra, giám sát việc áp dụng quy định về giá các loại đất khi bồi thường, hỗ trợ;

b) Hướng dẫn xác định diện tích đất, loại đất; xác định điều kiện được bồi thường, điều kiện không được bồi thường về đất khi nhà nước thu hồi đất;

c) Chủ trì công tác thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh; Đề xuất với UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất khi cần thiết;

d) Chủ trì cùng các Sở, ban, ngành liên quan giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

## 2. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các ngành liên quan và UBND cấp huyện trong việc điều tra xây dựng, thẩm định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật; chủ trì giải quyết những vướng mắc liên quan đến chức năng nhiệm vụ của ngành trong quá trình thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng;

b) Phối hợp với các ngành liên quan giải quyết vướng mắc trong xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại.

## 3. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về công trình xây dựng gắn liền với đất, mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất; các quy định về xác định giá công trình, mức độ ảnh hưởng đến kết cấu công trình khi phá dỡ, cắt xén;

b) Hướng dẫn việc xác định quy mô, diện tích, tính chất hợp pháp, không hợp pháp của các công trình xây dựng gắn liền với đất bị thu hồi làm cơ sở cho việc tính toán bồi thường và hỗ trợ cho từng đối tượng;

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng xác định vị trí quy mô khu tái định cư cho phù hợp với quy hoạch phát triển chung của tỉnh trình UBND tỉnh quyết định; giải quyết các vướng mắc về chính sách bồi thường, hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc, các nội dung liên quan đến việc thu hồi, di dời nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước;

d) Chịu trách nhiệm thẩm định nội dung bồi thường, hỗ trợ tài sản là nhà, các công trình xây dựng và mồ mả gắn liền với đất, các dự án thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Thẩm định hoặc cho ý kiến các nội dung liên quan về lĩnh vực chuyên ngành theo phân cấp của UBND tỉnh do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc UBND cấp huyện đề nghị;

đ) Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về chất lượng xây dựng các khu tái định cư theo quy định hiện hành.

## 4. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:

a) Chủ trì phối hợp với các ngành có liên quan xây dựng và trình UBND tỉnh ban hành đơn giá bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi để tính bồi thường thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất; trường hợp có thay đổi hoặc phát sinh, bổ sung trình UBND tỉnh xem xét, quyết định;

b) Xác định mức hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp (nếu có);

c) Thẩm định hoặc cho ý kiến các nội dung liên quan về lĩnh vực chuyên

ngành theo phân cấp của UBND tỉnh do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc UBND cấp huyện đề nghị.

#### 5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Là đầu mối thẩm định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng;

b) Tổng hợp, cân đối và tham mưu bố trí nguồn vốn ngân sách Nhà nước thực hiện bồi thường hỗ trợ và tái định cư theo phân cấp, báo cáo UBND tỉnh quyết định.

6. Cục Thuế tỉnh: Xác nhận mức thu nhập sau thuế đối với các tổ chức kinh doanh thuộc Cục Thuế quản lý theo phân cấp trên cơ sở kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan Thuế. Trường hợp không có kết luận thanh tra, kiểm tra, cơ quan Thuế căn cứ vào báo cáo tài chính đã nộp cho cơ quan Thuế để xác nhận mức thu nhập sau thuế theo đề nghị của người nộp thuế. Chi cục Thuế xác định doanh thu tính thuế và số thuế đã nộp Ngân sách Nhà nước của hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh; giải quyết các vướng mắc liên quan đến nghĩa vụ thuế của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong quá trình thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

7. Sở Lao động Thương binh và Xã hội: Thẩm định hoặc cho ý kiến về phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho các đối tượng bị thu hồi đất do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc UBND cấp huyện đề nghị; tổng hợp phương án đào tạo, chuyển đổi nghề của cấp huyện, báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện.

#### 8. Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và truyền thông:

a) Thẩm định hoặc cho ý kiến các nội dung liên quan về lĩnh vực chuyên ngành theo phân cấp của UBND tỉnh do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc UBND cấp huyện đề nghị;

b) Hướng dẫn xác định chỉ giới hành lang an toàn đường điện, các chỉ giới hành lang an toàn công trình công cộng khác theo quy định và mức độ hạn chế khả năng sử dụng, ảnh hưởng sinh hoạt của công trình.

9. Các Sở, ban, ngành khác có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan, tổ chức, UBND các huyện, thành phố trong việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn.

### **Điều 26. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, cấp xã**

#### 1. Trách nhiệm của UBND cấp huyện:

a) Tổ chức thực hiện và điều hành toàn diện công tác giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ tái định cư trên địa bàn; Quyết định thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (trong trường hợp chưa thành lập Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng); Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu cần);

b) Phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; ban hành thông báo thu hồi đất; ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền; phê duyệt dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định;

c) Ban hành các Quyết định: Kiểm đếm bắt buộc; cưỡng chế thực hiện kiểm đếm bắt buộc; cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất; thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư và tổ chức thực hiện các Quyết định nêu trên theo quy định;

d) Căn cứ quy trình tổ chức thực hiện tại quy định này, ban hành trình tự giải quyết các thủ tục hành chính có liên quan, phân công nhiệm vụ, quy định trách nhiệm của các phòng, ban, UBND cấp xã và cán bộ, công chức trong việc tổ chức thực hiện;

đ) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi trình UBND cấp huyện phê duyệt.

## 2. Trách nhiệm của UBND cấp xã:

a) Tổ chức công khai tuyên truyền về mục đích thu hồi đất chính sách pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi;

b) Kiểm tra, xác nhận tính hợp pháp về nhà, đất, tài sản, các vật kiến trúc (về nguồn gốc, thời gian, tình trạng sử dụng nhà, đất) của tổ chức, cá nhân nằm trong phạm vi thu hồi đất theo thẩm quyền để làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; xác nhận các hồ sơ liên quan theo Hướng dẫn của UBND tỉnh;

c) Giải quyết các việc khác có liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã.

## **Điều 27. Quyền, trách nhiệm của người có đất thu hồi**

### 1. Quyền của người có đất thu hồi:

a) Người có đất thu hồi được Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cung cấp, phổ biến các thông tin pháp lý về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư như: Thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền, giá đất, giá tài sản áp dụng để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, địa điểm bố trí tái định cư (nếu có);

b) Được hưởng các chế độ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật;

c) Khiếu nại về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật;

d) Được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và

tài sản khác gắn liền với đất đối với đất ở tái định cư đúng thời gian quy định của pháp luật khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật (nếu tái định cư).

2. Nghĩa vụ của người có đất thu hồi:

a) Chấp hành đầy đủ chủ trương, chính sách thu hồi đất theo quy định;

b) Phối hợp với Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kê khai, kiểm đếm tài sản; xác nhận kết quả kiểm đếm, diện tích đất đai, tài sản trên đất khi thực hiện kiểm đếm để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư;

c) Thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (nếu có) theo quy định của pháp luật; thực hiện xây dựng nhà, công trình theo đúng quy định của cấp có thẩm quyền;

d) Nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, hóa đơn, chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với đất thu hồi (nếu có) cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng để chuyển cho cấp có thẩm quyền chỉnh lý hồ sơ địa chính hoặc thu hồi theo quy định;

đ) Nhận tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và bàn giao mặt bằng đúng kế hoạch cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

**Điều 28. Chi phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư**

Thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh quy định việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 29. Điều khoản thi hành**

Xử lý các trường hợp chuyển tiếp

1. Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ và tái định cư hoặc đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đang hoặc đã thông báo thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành, hoặc trường hợp đã kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ nhưng do dự án phải thực hiện chia thành nhiều giai đoạn thì không áp dụng, không điều chỉnh theo Quy định này.

2. Đối với dự án chưa có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thì điều chỉnh việc áp dụng theo Quy định này (kể cả trong trường hợp đã kiểm kê, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, trừ trường hợp đã nêu tại khoản 1, Điều này).

3. Đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi và có quyết định phê duyệt phương án bồi thường bồi thường hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến trước ngày quy định này có hiệu lực mà chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường thì việc xử lý bồi thường chậm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc cần phải sửa đổi bổ sung quy định, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Xuân Ánh**

**PHỤ LỤC****Mức tiền thưởng tiền độ bàn giao mặt bằng**

(Kèm theo Quyết định số 14/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

**I. THƯỞNG BÀN GIAO MẶT BẰNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**

STT	Hiện trạng đất	Mức thưởng	Mức thưởng tối đa
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất không có công trình xây dựng	5.000 đồng/m <sup>2</sup>	Không quá 5.000.000đồng/hộ
2	Đất có công trình xây dựng	20.000 đồng/m <sup>2</sup>	

**TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

STT	Loại tài sản	Mức thưởng	
		Nhà bị tháo dỡ toàn bộ (đồng)	Nhà bị tháo dỡ một phần (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Nhà cột tre, gỗ hoặc cột bê tông, vách toóc xi; vách đất; ván thưng.	1.800.000	1.500.000
2	- Nhà sàn vách toóc xi; vách đất; ván thưng. - Nhà xây 01 tầng, tường gạch 110 bổ trụ hoặc tường xây gạch xi măng.	2.400.000	2.000.000
3	- Nhà xây 01 tầng tường xây gạch 220; tường xây đá hộc (bao gồm cả mái có hiên tây, sàn bê tông cốt thép). - Nhà sàn có tường xây gạch bao quanh.	3.500.000	3.000.000
4	Nhà xây 02 tầng trở lên	4.500.000	4.000.000

**II. THƯỞNG BÀN GIAO MẶT BẰNG LÀ ĐẤT NÔNG NGHIỆP**

STT	Loại đất	Mức thưởng	Mức thưởng tối đa
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Đất sản xuất nông nghiệp	5.000 đồng/m <sup>2</sup>	Không quá 5.000.000 đồng/hộ
2	Đất nuôi trồng thủy sản		
3	Đất nông nghiệp khác		
4	Đất rừng sản xuất	1.000 đồng/m <sup>2</sup>	

**III. QUY ĐỊNH THỜI GIAN BÀN GIAO MẶT BẰNG**

1. Đối với đất phi nông nghiệp và tài sản thời bàn giao mặt bằng là 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

2. Đối với đất nông nghiệp thời gian bàn giao mặt bằng là 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.